

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 19/2020/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 và Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 43/TTr-SKHCN ngày 18/6/2020 và Báo cáo thẩm định số 56/BC-STP ngày 26/3/2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2020 và thay thế Quyết định số 1372/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Bộ Tư Pháp (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các thành viên HĐKH&CN tỉnh;
- TT Thông tin
- V0, V2, NLN3;
- Lưu: VT, NLN1 (15b-QĐ 122).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19/2020/QĐ-UBND
ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách địa phương.

Quy định này không áp dụng đối với các nhiệm vụ KH&CN đã có quy định riêng.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh; các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ KH&CN là những vấn đề KH&CN cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN có phạm vi và đối tượng nghiên cứu giải quyết những vấn đề KH&CN của Tỉnh.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Các thuật ngữ khác không nêu tại văn bản này được hiểu thống nhất theo quy định của Luật KH&CN và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN

Nhiệm vụ KH&CN phải có tính mới, khả thi, phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị; có tổ chức, cá nhân cam kết ứng dụng kết quả của nhiệm vụ.

Điều 4. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN và tổ chức ứng dụng kết quả

1. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ

a) Tổ chức

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ; có đủ nguồn lực và năng lực tổ chức, liên kết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN trừ trường hợp đang trong thời gian không được chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 24 Quy định này.

b) Cá nhân

Cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ; có đủ nguồn lực và khả năng tổ chức, liên kết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN trừ trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật hoặc đang trong thời gian không được chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 24 của Quy định này.

2. Yêu cầu đối với chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải có trình độ cao đẳng trở lên (đối với nhiệm vụ cấp tỉnh phải có trình độ đại học trở lên) chuyên ngành phù hợp, có hoạt động trong lĩnh vực khoa học của nhiệm vụ KH&CN ít nhất 03 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ; Có năng lực tổ chức và bảo đảm thời gian để chủ trì thực hiện nhiệm vụ, được tổ chức, cá nhân chủ trì đề xuất.

b) Mỗi cá nhân chỉ được chủ nhiệm 01 nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách địa phương tỉnh Quảng Ninh trong cùng một thời điểm.

3. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả

a) Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN phải có hoạt động phù hợp với kết quả của nhiệm vụ KH&CN; có đủ nguồn lực và năng lực tổ chức để ứng dụng, duy trì kết quả nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN phải báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN cho cơ quan có thẩm quyền trong 3 năm liên tiếp tính từ khi được giao.

Điều 5. Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức, cá nhân chủ trì nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đến cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN. Hồ sơ gồm: 01 bản chính trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 10 bản sao được ghi trên USB. Hồ sơ được đóng gói niêm phong và bên ngoài ghi rõ: Tên nhiệm vụ; Tên, địa chỉ và số điện thoại của tổ chức/cá nhân đăng ký chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ; Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

Thành phần hồ sơ gồm:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
2. Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN;
3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN (nếu có);

4. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoặc sơ yếu lý lịch và các văn bản chứng minh năng lực của cá nhân đăng ký chủ trì;

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ KH&CN có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc các văn bản chứng minh năng lực của cá nhân;

6. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức, cá nhân đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có);

7. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm và các tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

8. Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: Báo cáo tài chính của đơn vị tham gia góp vốn trong 2 năm gần nhất, cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vốn vay của tổ chức tín dụng, cam kết pháp lý và xác nhận về việc góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia (trường hợp có huy động vốn);

9. Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực KH&CN, trang thiết bị của đơn vị phối hợp để thực hiện nhiệm vụ (trường hợp có đơn vị phối hợp);

Điều 6. Mở hồ sơ tham gia tuyển chọn

Đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN mời đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện và đại diện các cơ quan liên quan tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được nộp đúng thời hạn và đáp ứng được các yêu cầu tại Điều 05 của Quy định này.

Trường hợp không có hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc không có hồ sơ hợp lệ, đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN thông báo tuyển chọn lần 2. Nếu vẫn không có hồ sơ hợp lệ, đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền phê duyệt xem xét quyết định.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

a) UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN; phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN liên quan đến an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ KH&CN có mức kinh phí ngân sách sự nghiệp KH&CN hỗ trợ từ 2 tỷ đồng trở lên.

b) UBND tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt các nhiệm vụ không thuộc quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

a) Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục, phê duyệt nhiệm vụ có sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương phê duyệt danh mục, phê duyệt nhiệm vụ đối với các nhiệm vụ không thuộc quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 8. Thu thập, đăng ký, lưu giữ, công bố thông tin, xử lý tài sản đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN “Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN”.

Định kỳ hằng năm tổ chức, cá nhân tiếp nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian 5 năm liên tiếp kể từ thời điểm nhận bàn giao kết quả nghiên cứu.

2. Xử lý tài sản nhiệm vụ KH&CN

Tài sản trang bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ không còn giá trị sử dụng khi kết thúc nhiệm vụ: Tổ chức, cá nhân chủ trì chịu trách nhiệm xử lý, báo cáo cơ quan quản lý nhiệm vụ.

Tài sản khác: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các quy định khác về xử lý tài sản.

Điều 9. Phân khai, cấp và quyết toán kinh phí

1. Phân khai kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí gồm:

- Tổ chức chủ trì nộp 05 bộ hồ sơ thực hiện nhiệm vụ và văn bản đề nghị cấp kinh phí;

- Biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và biên bản thẩm định kinh phí;

- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ.

b) Trên cơ sở hồ sơ nhiệm vụ được phê duyệt của các đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp kinh phí các nhiệm vụ gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phân khai kinh phí cho Sở Khoa học và Công nghệ để cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Tạm ứng kinh phí

Căn cứ quyết định phân khai kinh phí của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ cấp tạm ứng cho tổ chức chủ trì theo nguyên tắc:

- Theo quy định tại hợp đồng đã ký giữa Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức, cá nhân chủ trì;

- Tổng kinh phí cấp tạm ứng không vượt quá 50% tổng kinh phí từ nguồn sự nghiệp KH&CN thực hiện nhiệm vụ được duyệt và trong phạm vi dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN năm được cấp có thẩm quyền giao. Việc tạm ứng các đợt tiếp theo chỉ thực hiện đối với nhiệm vụ đã thanh toán tối thiểu bằng 50% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó.

3. Thanh toán, quyết toán kinh phí

Kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được thanh, quyết toán theo quy định hiện hành. Đối với nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong nhiều năm, tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo đơn vị quản lý kinh phí về số kinh phí thực nhận và thực chi trong năm để đơn vị quản lý kinh phí tổng hợp số kinh phí thực nhận, thực chi của nhiệm vụ vào quyết toán của đơn vị theo niên độ ngân sách. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thành và các bên tiến hành thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ, theo phương thức quyết toán tổng hợp các nội dung được khoán chi và nội dung không được khoán chi.

Quyết toán nhiệm vụ được thực hiện trước 30 ngày tính đến ngày kết thúc nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết. Trong thời gian quyết toán nhiệm vụ, trường hợp kết thúc năm ngân sách, số dư kinh phí được chuyển sang năm sau để thực hiện quyết toán.

Tổ chức, cá nhân chủ trì lưu giữ hồ sơ, chứng từ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ, chứng từ thanh toán của nhiệm vụ.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch hàng năm

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước 30/6 hàng năm để làm căn cứ lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước, trình thẩm định và phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện năm sau theo quy định.

Điều 11. Xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN, quý I hàng năm, các tổ chức, cá nhân gửi phiếu đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN về Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì nội dung đặt hàng các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao.

Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn ngân sách khác, quý II hàng năm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt gửi danh mục về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN chuyên ngành

a) Đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng, phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự.

Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ gồm: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Lãnh đạo Phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ, Lãnh đạo các ngành, địa phương có liên quan. Hội đồng xem xét về sự cần thiết, tính mới và bỏ phiếu đánh giá, phân loại nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở. Nhiệm vụ được ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt thống nhất đề nghị thực hiện được đưa vào danh mục đề xuất Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN chuyên ngành xem xét.

Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN chuyên ngành gồm: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Lãnh đạo Phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ, chuyên gia về lĩnh vực được đề xuất, đại diện các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp có liên quan. Hội đồng xem xét về tính mới, khả thi, sự phù hợp và bỏ phiếu đánh giá, phân loại nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở. Nhiệm vụ được ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt thống nhất đề nghị thực hiện thì Hội đồng xác định tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến và tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả của nhiệm vụ.

Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục quy định tại Điều 7 Quy định này.

b) Đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng nguồn ngân sách khác, Cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền phê duyệt vận dụng quy định tại Điều a Khoản 2 của Điều này để thực hiện.

3. Công bố danh mục nhiệm vụ KH&CN

Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN có hiệu lực, đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN công khai danh mục và thông báo tuyển chọn trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh, đơn vị và gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

Chương II **QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Điều 12. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng có ít nhất 07 thành viên, trong đó: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, ủy viên Thư ký khoa học là Lãnh đạo Phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ, 01 ủy viên là Lãnh đạo Sở Tài chính, 02 ủy viên phản biện và các thành viên khác có năng lực, chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. Giúp việc cho Hội đồng là thư ký hành chính thuộc phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá về nội dung chuyên môn và dự toán kinh phí của các hồ sơ đề tư vấn lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì (đối với nhiệm vụ tuyển chọn) và yêu cầu hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ. Hội đồng thành lập Tổ thẩm định kinh phí để thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ, Tổ trưởng là chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm đại diện lãnh đạo Sở Tài chính; phòng chuyên môn của Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, sở, ngành liên quan; ủy viên thư ký khoa học; thư ký hành chính của Hội đồng.

2. Phương thức làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự. Trong đó có Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

b) Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá về các nội dung trong hồ sơ, kiến nghị những vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có). Khi cần thiết, Hội đồng yêu cầu tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ giải trình, làm rõ các vấn đề được nêu trong hồ sơ. Các thành viên Hội đồng chấm điểm độc lập vào phiếu đánh giá. Ủy viên thư ký khoa học tổng hợp kết quả đánh giá; Chủ tịch hội đồng thông báo kết quả, kết luận về nội dung phiên họp và thông qua biên bản làm việc.

c) Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ là tổ chức, cá nhân có hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm “không” (điểm 0); đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của chủ tịch hội đồng được ưu tiên để lựa chọn.

d) Trường hợp Hội đồng thống nhất đề nghị thực hiện nhiệm vụ

Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng. Hội đồng ủy quyền cho ít nhất 02 ủy viên Hội đồng (trong đó có 01 phản biện và thư ký khoa học) chịu trách nhiệm rà soát, xác nhận bằng văn bản việc chỉnh sửa Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì theo kết luận của Hội đồng. Bản xác nhận rà soát, biên bản thẩm định tài chính là thành phần hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình, phê duyệt.

Điều 13. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm lập báo cáo về nội dung, tiến độ thực hiện, tài sản được trang bị, kinh phí đã sử dụng của nhiệm vụ KH&CN gửi Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo định kỳ vào ngày 28 của tháng cuối mỗi quý và báo cáo năm hoặc theo yêu cầu đột xuất cho Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra định kỳ 2 lần/năm hoặc đột xuất về việc thực hiện nhiệm vụ. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản lưu hồ sơ quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 15. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thành lập hoặc cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ mời các chuyên gia đánh giá. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ trước 03 ngày họp Hội đồng tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ có ít nhất 07 thành viên. Chủ tịch Hội đồng là cá nhân chủ trì hoặc lãnh đạo tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; 02 phản biện và các thành viên khác là chuyên gia có liên quan. Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng. Hội đồng xếp loại theo 2 mức “Đạt” hoặc “Không đạt”. Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện các sản phẩm theo ý kiến của Hội đồng.

Điều 16. Điều kiện đánh giá, nghiệm thu chính thức

1. Điều kiện để nhiệm vụ được tổ chức Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức:

a) Hồ sơ được Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá xếp loại “Đạt”.

b) Báo cáo thanh toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nội dung, kinh phí) được Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận.

c) Nộp đầy đủ hồ sơ nghiệm thu chính thức, gồm 01 bản chính trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 10 bản sao được ghi trên USB. Thành phần hồ sơ: Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ chính thức của tổ chức, cá nhân chủ trì; Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ; Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có); Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá và giải trình chỉnh sửa; Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản; Các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng.

2. Đối với các nhiệm vụ không đáp ứng đồng thời các điều kiện tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu trên cơ sở kết quả đã thực hiện để đề xuất phương án xử lý.

Điều 17. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN. Thành phần Hội đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy định này. Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với hợp đồng. Hội đồng phải được tổ chức trước 30 ngày tính đến ngày kết thúc nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết.

2. Phương thức làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch và 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

b) Hội đồng thảo luận và đánh giá xếp loại nhiệm vụ theo 3 loại: xuất sắc, đạt, không đạt. Trường hợp nhiệm vụ được đánh giá xếp loại “Không đạt”, Hội đồng xác định nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và những nội dung đã thực hiện đề đề xuất phương án xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng công khai kết quả đánh giá và thông qua biên bản làm việc.

c) Chủ nhiệm và tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh sản phẩm nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng. Hội đồng ủy quyền cho ít nhất 02 ủy viên Hội đồng (trong đó có 01 phản biện và thư ký khoa học) chịu trách nhiệm rà soát việc chỉnh sửa sản phẩm nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì theo kết luận của Hội đồng. Bản xác nhận rà soát là một thành phần hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 18. Điều chỉnh nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND tỉnh và đề xuất phương án xử lý đối với nhiệm vụ có một trong các thay đổi sau: Sản phẩm; thời gian kéo dài trên 6 tháng hoặc quá niên độ ngân sách năm; phát sinh tăng thêm kinh phí từ nguồn sự nghiệp KH&CN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định điều chỉnh các thay đổi không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Việc thay đổi thành viên thực hiện nhiệm vụ phải thông báo bằng văn bản cho Sở Khoa học và Công nghệ (kèm theo lý lịch khoa học). Đối với chủ nhiệm nhiệm vụ phải đảm bảo yêu cầu tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Chương III

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

Điều 19. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng có ít nhất 07 thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, Phó chủ tịch (nếu cần), 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên. Giúp việc cho Hội đồng là thư ký hành chính thuộc phòng chuyên môn được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá về nội dung chuyên môn và dự toán kinh phí của hồ sơ đề tư vấn lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì (đối với nhiệm vụ tuyển chọn) và yêu cầu hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ.

Hội đồng thành lập Tổ thẩm định kinh phí gồm: Tổ trưởng là chủ tịch Hội đồng, thư ký khoa học, thư ký hành chính của Hội đồng và các thành viên do Chủ tịch Hội đồng mời. Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ và đề xuất sử dụng kinh phí từ các nguồn tương ứng với từng nội dung chuyên môn.

2. Phương thức làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự. Trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

b) Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá về các nội dung trong hồ sơ, kiến nghị những vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có). Khi cần thiết, Hội đồng yêu cầu tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ giải trình, làm rõ các vấn đề được nêu trong hồ sơ. Các thành viên Hội đồng chấm điểm độc lập vào phiếu đánh giá. Thư ký khoa học tổng hợp kết quả đánh giá; Chủ tịch hội đồng thông báo kết quả, kết luận về nội dung phiên họp và thông qua biên bản.

c) Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ là tổ chức, cá nhân có hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm “không” (điểm 0); Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của chủ tịch hội đồng được ưu tiên để lựa chọn.

d) Trường hợp Hội đồng thống nhất đề nghị thực hiện nhiệm vụ

Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng. Hội đồng ủy quyền cho ít nhất 02 ủy viên Hội đồng (trong đó có 01 phản biện và thư ký khoa học) chịu trách nhiệm rà soát, xác nhận bằng văn bản việc chỉnh sửa Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN của tổ chức/cá nhân chủ trì theo kết luận của Hội đồng.

Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình, phê duyệt.

Điều 20. Phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt nhiệm vụ gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt nhiệm vụ của đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ;
- Biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp;
- Bản xác nhận rà soát (nếu có);
- Biên bản thẩm định kinh phí;
- Hồ sơ nhiệm vụ.

Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy định này.

2. Căn cứ quyết định phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương ký hợp đồng hoặc Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ.

Điều 21. Thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương phê duyệt nhiệm vụ chịu trách nhiệm chỉ đạo quản lý triển khai nhiệm vụ KH&CN:

a) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ, báo cáo vào ngày 28 của tháng cuối mỗi quý và báo cáo năm hoặc theo yêu cầu đột xuất cho cơ quan quản lý nhiệm vụ; tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ.

b) Tổ chức đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN vận dụng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Quy định này.

2. Điều chỉnh nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, nếu có sự thay đổi, tổ chức, cá nhân chủ trì báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ quyết định điều chỉnh một trong các thay đổi sau: Mục tiêu; sản phẩm; thời gian kéo dài trên 6 tháng hoặc quá niên độ ngân sách năm; phát sinh tăng thêm kinh phí từ nguồn sự nghiệp KH&CN.

3. Đình chỉ thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh

a) Những trường hợp đình chỉ thực hiện nhiệm vụ

- Có căn cứ để khẳng định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN là không cần thiết.

- Nhiệm vụ không có khả năng hoàn thành mục tiêu đã được phê duyệt (thiên tai,...).

- Tổ chức, cá nhân chủ trì sử dụng kinh phí được cấp không đúng mục đích.

b) Hồ sơ đình chỉ nhiệm vụ KH&CN

- Báo cáo quá trình, kết quả thực hiện nhiệm vụ đến thời điểm cơ quan quản lý nhiệm vụ yêu cầu.

- Biên bản kiểm tra hoặc biên bản đánh giá nghiệm thu.

- Quyết định đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Xử lý nhiệm vụ bị đình chỉ

Nhiệm vụ KH&CN bị đình chỉ được xử lý như xử lý đối với nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành. Việc xử lý thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015.

4. Đối với các nhiệm vụ không thuộc quy định tại Khoản 2, 3 Điều này Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định việc điều chỉnh, dừng hoặc đình chỉ thực hiện nhiệm vụ.

Chương IV

XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH

Điều 22. Xử lý đối với nhiệm vụ không hoàn thành

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý nhiệm vụ quyết định tổ chức kiểm tra hoặc thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu để xác định nguyên nhân, đánh giá khối lượng công việc đã thực hiện; báo cáo, đề xuất phương án xử lý với cơ quan có thẩm quyền.

Việc xử lý thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, thành viên các Hội đồng KH&CN có vi phạm trong quá trình thực hiện sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13/6/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ và các quy định hiện hành.

2. Nếu có tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì có quyền khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền ở địa phương theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 24. Những trường hợp không đủ điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Tổ chức, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây khi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ninh không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong thời hạn 03 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ:

- Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên 03 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ.

- Chưa hoàn thành quyết toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN đã kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng.

- Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN phải nộp về ngân sách Nhà nước.

- Bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do nguyên nhân chủ quan.

- Không báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Cá nhân là chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ninh được đánh giá nghiệm thu chính thức ở mức “không đạt” do nguyên nhân chủ quan không được làm chủ nhiệm nhiệm vụ trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

Nhiệm vụ được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1372/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy định này và ban hành các biểu mẫu hướng dẫn.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị áp dụng quy định này để quản lý nhiệm vụ KH&CN theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Khi các văn bản được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới.

4. Các tổ chức, cá nhân được giao chủ trì nhiệm vụ tuân thủ quy định này; trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung./.
